

Số: /BC-CTK

An Giang, ngày tháng 9 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2021**

Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng 2021 của tỉnh gặp nhiều khó khăn, đợt bùng phát dịch lần thứ tư với những diễn biến phức tạp và khó lường hơn hẳn các đợt dịch lần trước, bất kể mọi nỗ lực phòng ngừa nhằm ngăn chặn nguy cơ nguồn lây nhiễm trong cộng đồng, cho thấy khả năng duy trì được thành quả của những tháng cuối năm 2020 và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 ngày càng trở nên khó khăn. Để kiểm soát hiệu quả sự lây nhiễm dịch Covid 19, chủ động ngăn chặn, đẩy lùi dịch bệnh, bảo vệ tốt nhất sức khỏe, tính mạng của nhân dân, tỉnh An Giang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15, Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ, khoanh vùng theo huyện, thị xã, thành phố. Các hoạt động sản xuất kinh doanh, giao thương, đi lại, sử dụng dịch vụ bị ảnh hưởng, giá cả tăng cao, sinh hoạt và đời sống người dân ít nhiều gặp khó khăn.

#### **I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

##### **1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP)**

Do ảnh hưởng của dịch covid 19, tăng trưởng ở các ngành, lĩnh vực chậm lại, một số lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế như dịch vụ bị tác động nặng nề nhất có mức tăng trưởng âm so với cùng kỳ, ảnh hưởng trực tiếp đến mức tăng chung của tỉnh.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2021 tăng 1,60% so cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 tăng 2,45%). Trong mức tăng chung thì khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,33% (cùng kỳ năm 2020 tăng 1,95%); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,05% (cùng kỳ năm 2020 tăng 7,45%); khu vực dịch vụ chỉ tăng 0,95% so cùng kỳ (cùng kỳ năm 2020 tăng 1,4%); thuế sản phẩm trừ trợ giá sản phẩm tăng 0,2% (cùng kỳ năm trước tăng 1,87%).

Khu vực dịch vụ 9 tháng 2021 đạt mức tăng trưởng chỉ tăng 0,95% so cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất của khu vực dịch vụ kể từ 2010 trở lại đây. Mặc khác do tỷ trọng khu vực dịch vụ 9 tháng đầu năm 2021 chiếm 45,63% trong cơ cấu kinh tế, vì vậy với mức tăng trưởng 0,95% là nguyên nhân chính, trực tiếp ảnh hưởng đến mức tăng chung của cả nền kinh tế tỉnh trong 9 tháng đầu năm 2021. Mức tăng giảm của một số ngành chiếm tỷ trọng lớn như

sau: Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 2,19%; dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 1,82%; vận tải kho bãi giảm 2,31%; hoạt động nghệ thuật vui chơi giải trí giảm 15,65%; hoạt động dịch vụ khác giảm 17,51%...

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 36,81%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 15,85%; khu vực dịch vụ chiếm 45,63%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,71%.

## **2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Tình hình sản xuất diễn biến thuận lợi, lúa vụ Đông Xuân trúng mùa, trúng giá; đàn chăn nuôi có dấu hiệu hồi phục, nhờ dịch bệnh được khống chế. Tuy nhiên do ảnh hưởng dịch Covid việc tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp, thủy sản còn gặp khó khăn.

### **2.1. Nông nghiệp**

#### *2.1.1. Trồng trọt*

- Cây hằng năm

Toàn tỉnh 9 tháng đầu năm thực hiện gieo trồng được 498,8 ngàn ha, đạt 99,92% KH và bằng 99,41% hay giảm gần 3 ngàn ha so cùng kỳ. Diện tích gieo trồng (DTGT) giảm so cùng kỳ chủ yếu do một số địa phương chuyển sang trồng cây ăn quả lâu năm, chuyển sang trồng màu dài ngày và một phần giảm diện tích hoa màu trồng xen trong cây lâu năm do đã khép tán. Chia ra:

+ Diện tích lúa: 463,9 ngàn ha, đạt 99,87% KH, bằng 99,67% (-1.543 ha) so cùng kỳ, gồm: Vụ Mùa 4.531 ha, giảm 265 ha; vụ Đông Xuân 230.392 ha, tăng 1.020 ha và vụ Hè Thu 228.939 ha, giảm 2.297 ha;

+ Hoa màu: Gieo trồng gần 35 ngàn ha, đạt 100,65% KH và bằng 96,11% (-1.415 ha) so cùng kỳ, trong đó: Vụ Đông Xuân 17.914 ha, giảm 799 ha, Hè Thu 17.065 ha, giảm 616 ha. Diện tích gieo trồng của các nhóm hoa màu như sau: Bắp 4.315 ha, giảm 89 ha; cây lấy củ có chất bột 1.509 ha, tăng 232 ha; nhóm cây có hạt chứa dầu 956 ha (-745 ha); rau dưa các loại 21.359 ha (-1.309 ha); đậu lấy hạt các loại 293 ha (-1 ha); nhóm cây gia vị 1.860 ha (-254 ha) và nhóm cây hằng năm khác 4.331 ha, tăng 668 ha so với cùng kỳ.

Về năng suất, sản lượng:

+ Cây lúa: Năng suất bình quân 03 vụ (gồm: Vụ Mùa, Đông Xuân và Hè Thu) ước đạt 67,41 tạ/ha, bằng 105,09% (tăng 3,26 tạ/ha) so cùng kỳ cụ thể: Vụ Đông Xuân đạt 76,9 tạ/ha (+5,18 tạ/ha); chính thức vụ Mùa đạt 45,22 tạ/ha (+2,94 tạ/ha) và vụ Hè Thu năng suất sơ bộ đạt 58,3 tạ/ha, tăng 1,22 tạ/ha. Sản lượng 9 tháng đầu năm ước đạt gần 3,127 triệu tấn, bằng 104,74%, tăng gần 142 ngàn tấn gồm: Vụ Đông Xuân đạt 1,772 triệu tấn, tăng 126,7 ngàn tấn và vụ Mùa đạt gần

20,5 ngàn tấn, tăng 0,2 ngàn tấn) và vụ Hè Thu gần 1,335 triệu tấn, tăng 14,7 ngàn tấn. Riêng diện tích nếp và các giống lúa chất lượng (Nàng Hoa, Lúa Nhật, ĐS1, ...) với tổng diện tích gieo trồng hơn 153,2 ngàn ha, giảm 28 ngàn ha, gồm: Đông Xuân 103,5 ngàn ha (-5 ngàn ha) và Hè Thu 49,8 ngàn ha (-22,7 ngàn ha); sản lượng thu hoạch đạt gần 1.086 ngàn tấn, giảm 110 ngàn tấn so 9 tháng đầu năm 2020, trong đó, Đông Xuân 796 tấn (+14 ngàn tấn) và Hè Thu 290 ngàn tấn, giảm 124 ngàn tấn so vụ Hè Thu năm trước.

+ Hoa màu: Do thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng giữa các huyện trong tỉnh và giữa các vụ sản xuất trong năm nên năng suất bình quân chung của một số loại cây có mức tăng/giảm khá đột biến so cùng kỳ, như: Đậu phộng đạt 55,16 tạ/ha, tăng 19,06% (+8,83 tạ/ha); đậu nành 27,73 tạ/ha, tăng 7,29% (+1,88 tạ/ha); đậu xanh đạt 10,3 tạ/ha, giảm 17,28% (-2,15 tạ/ha); ớt cay 183,82 tạ/ha, tăng 15,31% (+24,41 tạ/ha); ... Các loại hoa màu còn lại có mức năng suất tăng/giảm dưới 5%. Sản lượng một số loại hoa màu chủ lực của tỉnh như sau: Bắp 32,7 ngàn tấn, giảm 604 tấn; khoai mì 13 ngàn tấn, tăng 6,5 ngàn tấn; rau dưa các loại 494 ngàn tấn, giảm 34 ngàn tấn; đậu xanh 189 tấn (-92 tấn); ớt cay 29,5 ngàn tấn, giảm 1 ngàn tấn so với cùng kỳ...

#### Về giá cả:

+ Giá vật tư phục vụ sản xuất: Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 gây khó khăn cho việc nhập khẩu nguyên liệu sản xuất của các doanh nghiệp nên giá cả vật tư đầu vào có nhiều biến động so thời điểm cùng kỳ, như: Phân Urê (Phú Mỹ) 565 ngàn đồng/bao (tăng 225 ngàn đồng/bao); phân Kali (Canada) 410 ngàn đồng/bao (tăng 15 ngàn đồng/bao); phân Super lân (Long Thành) 250 ngàn đồng/bao (tăng 90 ngàn đồng/bao); phân NPK Việt Nhật 500 ngàn đồng/bao (tăng 10 ngàn đồng/bao); riêng phân DAP (Cà Mau) 580 ngàn đồng/bao bằng mức cùng kỳ;....

+ Giá bán nông sản: Vụ Đông Xuân và vụ Mùa do được thu hoạch trước đợt dịch thứ 4 bùng phát, đồng thời nhờ nhu cầu xuất khẩu tăng cao nên giá bán một số loại nông sản luôn dao động ở mức cao hơn cùng kỳ, cụ thể: Lúa chất lượng cao (Đài Thơm 8; Nàng Hoa; ĐS1;...) giá bán lúa tươi dao động từ 6.300-6.800 đồng/kg, tăng 300-500 đồng/kg; nếp tươi từ 4.800-5.300 đồng/kg, giảm 550-900 đồng/kg; riêng lúa IR50404 dao động từ 6.350-6.400 đồng/kg, tăng 800-850 đồng/kg. Về giá bán bình quân một số loại rau màu, như: Ớt cay 28.000 đồng/kg, tăng gấp 2,8 lần so cùng kỳ; dưa hấu giá tại ruộng là 7.300 đồng/kg, tăng 2.300 đồng/kg; khoai môn 19.000 đồng/kg, tăng 5.000 đồng/kg so với cùng kỳ. Tuy nhiên, đến vụ Hè Thu do thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch Covid-19 đã phần nào ảnh hưởng đến việc thu hoạch, tiêu thụ và giá bán một số loại nông sản (chủ yếu không phải do cung cầu mà do đứt gãy nghiêm trọng chuỗi cung ứng, từ ngoài đồng, đến nhà máy, đến giao ra cảng và xuất khẩu), đặc biệt

là giá bán lúa tươi đã giảm so thời điểm đầu vụ và cùng kỳ, cụ thể: Giá bán các giống lúa OM dao động từ 5.000-5.400 đồng/kg (giảm 300 đồng/kg so đầu vụ và giảm 200 đồng/kg so cùng kỳ); giá bán lúa Đài thơm 8 từ 5.900-6.100 đồng/kg (giảm 100 đồng/kg so đầu vụ và cùng kỳ); nếp vỏ tươi 4.200-4.400 đồng/kg (giảm 200 đồng/kg so đầu vụ và 800 đồng/kg so cùng kỳ); IR 50404 từ 4.800-5.100 đồng/kg (giảm 300 đồng/kg so đầu vụ và 700 đồng/kg so cùng kỳ). Riêng về rau màu (chủ yếu tiêu thụ nội địa) đến nay chưa có hiện tượng ứ ứ hàng hóa, đồng thời do nhu cầu tăng mạnh nên một số rau màu có giá bán bình quân tăng khá cao so cùng kỳ như: Ớt cay 28.000 đồng/kg, tăng gấp 2,8 lần so cùng kỳ; dưa hấu 7.300 đồng/kg, tăng 2.300 đồng/kg; khoai môn 19.000 đồng/kg, tăng 5.000 đồng/kg so với cùng kỳ;...

Trước tình hình trên, lãnh đạo tỉnh và các ngành chức năng tích cực tổ chức các cuộc kết nối với những doanh nghiệp lớn để liên kết, hỗ trợ thu mua nông sản trên địa bàn tỉnh, đồng thời yêu cầu các địa phương cần có giải pháp, cách ứng xử đồng bộ, thống nhất, tạo thuận lợi cho hoạt động thu hoạch, thu mua, tiêu thụ, vận chuyển nông sản, nhưng đảm bảo các quy định phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

#### - Cây lâu năm:

Trong 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh thực hiện trồng mới khoảng 600 ha. Qua đó, nâng tổng diện tích cây lâu năm toàn tỉnh hiện có hơn gần 20 ngàn ha, bằng 105,3% (+1 ngàn ha) so thời điểm 9 tháng đầu năm 2020. Trong tổng diện tích cây lâu năm, nhóm cây ăn quả chiếm ưu thế với 17.971 ha (chiếm 90,07% tổng diện tích), tăng 7,27%, tương đương tăng 1.218 ha so cùng kỳ. Một số loại có diện tích tăng cao so cùng kỳ, như: Xoài diện tích hiện có 12.096 ha, tăng 6,3% (+717 ha), trong đó các giống xoài chất lượng (Đài Loan, Cát Hoà Lộc chiếm gần 85% tổng DT xoài); sầu riêng 209 ha (+82 ha); măng cầu/na 274 ha (+2 ha); mít 968 ha (+348 ha); nhãn 481 ha (+95 ha); các loại cây ăn quả có múi (cam, chanh, quýt, bưởi) 1.549 ha, tăng 126 ha;... Việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng (từ cây hằng năm sang cây lâu năm) được nhiều địa phương quan tâm và đã thực hiện trong những năm trở lại đây, nhờ vậy diện tích của hầu hết các loại cây lâu năm của tỉnh không ngừng tăng lên qua từng năm

Trước những ảnh hưởng của tình trạng nắng nóng, khô hạn và giá bán sụt giảm do tác động của dịch Covid-19 (nhà vườn hạn chế đầu tư) đã phần nào ảnh hưởng năng suất thu hoạch của các loại cây lâu năm. Song, nhờ thực hiện chuyển đổi trong những năm gần đây nên hầu hết diện tích đang trong giai đoạn cho thu hoạch sản phẩm ổn định, đồng thời diện tích cho sản phẩm của hầu hết các loại cây trồng đều tăng (ước cả năm 2021 tổng diện tích cho sản phẩm tăng khoảng 1,2 ngàn ha so năm 2020) đã góp phần làm cho sản lượng thu hoạch của các loại cây lâu năm tăng so cùng kỳ, cụ thể: Tổng sản lượng thu hoạch trong 9 tháng đầu

năm ước đạt hơn 200 ngàn tấn, tăng 14,25% (+21 ngàn tấn), cụ thể: Xoài sản lượng đạt 148 ngàn tấn, tăng 15,8 ngàn tấn, trong đó xoài Đài Loan khoảng 92,4 ngàn tấn, chiếm 62,43% tổng sản lượng xoài (+9,9 ngàn tấn), Cát Hòa Lộc đạt 32,5 ngàn tấn, chiếm 21,93% và tăng gần 3,5 ngàn tấn so cùng kỳ; mít 4,3 ngàn tấn (+693 tấn); các loại cây có múi (cam, chanh, quýt, bưởi) sản lượng đạt 5,6 ngàn tấn (+234 tấn) so với cùng kỳ; ...

Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên giá bán một số loại cây ăn quả trong những tháng đầu năm luôn biến động, đặc biệt là xoài Đài Loan, giá bán xoài Loại I dao động từ 8-20 ngàn đồng/kg tùy loại và tùy thời điểm, tăng 2-8 ngàn đồng/kg so cùng kỳ; loại II 4-10 ngàn đồng/kg, tăng 5 ngàn đồng/kg so cùng kỳ; trường hợp nếu nhà vườn bán xô thì giá bán từ 5-15 ngàn đồng/kg, tăng 1-5 ngàn đồng/kg so cùng kỳ. Vì vậy, dù diện tích cho sản phẩm trong năm tăng cao nhưng sản lượng thu hoạch tăng không tương thích, do các nhà vườn hạn chế đầu tư, chăm sóc, xử lý cho ra hoa trái vụ như trước đây.

### 2.12. Chăn nuôi

- Đàn trâu-bò: giá bán thịt hơi trâu bò trong những tháng đầu năm tăng so với thời điểm cuối năm 2020, từ đó làm cho quy mô đàn trâu-bò tăng chút ít so cùng kỳ. Ước tính đàn trâu-bò toàn tỉnh hiện có khoảng 68,7 ngàn con, bằng 101,48 hay tăng 1 ngàn con so cùng kỳ. Trong đó, đàn bò 66,4 ngàn con (chiếm 96,68%), bằng 101,37% (+900 con) so cùng kỳ

- Đàn heo: Công tác phòng ngừa dịch bệnh luôn được chú trọng và kiểm soát tốt, giá bán thịt hơi luôn ổn định ở mức cao (từ 70-80 ngàn/kg), nhu cầu thị trường cũng tăng cao, nhưng do thực hiện giãn cách xã hội việc giao thương giữa thương lái và các hộ chăn nuôi gặp trở ngại, làm cho giá bán heo hơi có xu hướng giảm (hiện giá heo hơi đang dao động từ 55-58 ngàn đồng/kg, giảm từ 10-15 ngàn đồng/kg so tháng trước và giảm từ 20-25 ngàn đồng/kg so cùng thời điểm năm trước), điều này cũng làm cho số đầu con hiện có tăng so cùng kỳ (do hộ nuôi không xuất bán được dù đã đến thời điểm xuất chuồng). Toàn tỉnh hiện có hơn 57,5 ngàn con, bằng 104,17% (tăng 2,3 ngàn con) so cùng kỳ.

- Đàn gia cầm: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển chăn nuôi quy mô lớn, áp dụng tiêu chuẩn an toàn sinh học, dịch bệnh được kiểm soát tốt đã góp phần ổn định quy mô đàn gia cầm. Đàn gia cầm toàn tỉnh hiện có hơn 4,9 triệu con, tăng 2,08% (tăng 100 ngàn con) so cùng kỳ, chủ yếu do tăng quy mô đàn vịt, với hơn 3,6 triệu con (+200 ngàn con); riêng đàn gà, do các hộ nuôi gà với quy mô lớn giảm mạnh (do hiệu quả kinh tế chưa cao) làm cho đàn gà chung toàn tỉnh chỉ đạt gần 1,2 triệu con, bằng 92,31% (-100 ngàn con) so cùng kỳ.

Với quy mô nuôi như trên, ước tính sản phẩm chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2021 đạt gần 19,8 ngàn tấn, bằng 113,28% (+2,3 ngàn tấn). Trong đó, thịt heo

khoảng 7 ngàn tấn, bằng 119,0% hay tăng 1.120 tấn (bao gồm sản lượng heo sữa); thịt gia cầm 7,2 ngàn tấn, bằng 104,93% (+338 tấn) và thịt trâu bò 5,5 ngàn tấn, bằng 118,86% (+867 tấn) so cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi chăn nuôi tăng cao so cùng kỳ chủ yếu do tăng quy mô đàn (số con xuất chuồng tăng) và một phần do trọng lượng bình quân của nuôi tăng cao.

## 2.2. Lâm nghiệp

Theo kế hoạch trồng cây phân tán trong năm là 2,81 triệu cây, bằng 100,25% so cùng kỳ, đến nay đã trồng khoảng 1,2 triệu cây; Kế hoạch trồng rừng phòng hộ, đặc dụng trong năm 2021 với diện tích 125 ha (rừng phòng hộ 71 ha và rừng đặc dụng 54 ha), bằng 95,46% (-6 ha) so cùng kỳ, đến nay đã thực hiện trồng được 70 ha (gồm: 65 ha rừng phòng hộ và 05 ha rừng đặc dụng) đạt 56% KH.

Sản lượng gỗ khai thác trong 9 tháng đầu năm ước gần 25,7 ngàn m<sup>3</sup>, bằng 100,23% (+59 m<sup>3</sup>) và gần 203 ngàn ster củi, bằng 100,65% (+1,3 ngàn ster) so cùng kỳ năm trước.

## 2.3. Thủy sản

Tổng diện tích nuôi cá thu hoạch 9 tháng đầu năm khoảng 1.268 ha, bằng 101,15% (+14 ha) so cùng kỳ, tương ứng tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 368,5 ngàn tấn (bao gồm sản lượng nuôi lồng bè), bằng 100,4% (+1.463 tấn) so cùng kỳ. Cụ thể:

- Cá tra: Qui mô nuôi của hộ và các vùng nuôi của doanh nghiệp đã tăng trở lại nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm thủy sản gặp nhiều khó khăn, giá bán luôn dao động ở mức thấp (hiện giá cá tra thương phẩm dao động từ 21-22 ngàn đồng/kg, dù tăng 4-4,5 ngàn đồng/kg so cùng kỳ nhưng đã giảm 500-700 đồng/kg so với các tháng trước và với mức giá này đối với các hộ nuôi sẽ bị thu lỗ) nên người nuôi kéo dài thời gian nuôi chờ giá làm cho sản lượng thu hoạch giảm. Tổng diện tích cá tra thu hoạch khoảng 919 ha (chiếm 72,49%), bằng 97,97%; tổng sản lượng thu hoạch ước đạt 310 ngàn tấn (chiếm 84,16% tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng), bằng 98,79% (-3,8 ngàn tấn) so cùng kỳ, trong đó sản lượng thu hoạch lồng/bè là 5,3 ngàn tấn, bằng 98,55% so cùng kỳ.

- Các loại cá khác (cá lóc, rô phi, điêu hồng,...): Chủ yếu tiêu thụ nội địa nên ít bị ảnh hưởng của tình hình xuất khẩu, đồng thời do nhu cầu thị trường và giá bán luôn ổn định nên diện tích nuôi cũng được mở rộng. Do đó, ước tổng diện tích thu hoạch trong 9 tháng đầu năm 293 ha, bằng 105,9% (+16 ha) so với cùng kỳ và sản lượng thu hoạch gần 57 ngàn tấn, bằng 110,11% (+5,2 ngàn tấn) so cùng kỳ, trong đó sản lượng thu hoạch lồng/bè là 24,3 ngàn tấn, bằng 116% so cùng kỳ.

- Tôm càng xanh: Dù giá thành tôm càng xanh thương phẩm còn cao, nhưng do thời gian qua quy mô nuôi bị thu hẹp làm khan hiếm nguồn cung (chủ yếu thị trường tiêu thụ nội địa). Từ đó, một số hộ đã tái nuôi trở lại góp phần làm cho diện tích thu hoạch và sản lượng tôm tăng so cùng kỳ. Ước tính tổng diện tích thu hoạch trong 9 tháng đầu năm là 23 ha (+9,5 ha) và sản lượng tôm thu hoạch khoảng 17,7 tấn, tăng 7 tấn so cùng kỳ.

- Thủy sản khác: Nhờ nhu cầu thị trường tăng cao và giá bán ổn định nên quy mô nuôi các loại thủy sản khác (lươn, ếch, baba,...) luôn ổn định. Qua đó, ước tổng diện tích thu hoạch các loại thủy sản khác trong 9 tháng đầu năm là 15,3 ha, bằng 100,85% và tổng sản lượng thu hoạch gần 1,4 ngàn tấn, bằng 101,15% (+15,5 tấn) so cùng kỳ năm trước.

Nguồn lợi thủy sản tự nhiên ngày càng có xu hướng giảm (do việc sản xuất lúa vụ 3 ảnh hưởng đến môi trường sinh sản, phát triển của các loại thủy sản và việc đánh bắt quá mức từ người dân). Tổng sản lượng thủy sản khai thác trong 9 tháng đầu năm ước đạt 11,6 ngàn tấn, bằng 97,85% so cùng kỳ, trong đó, sản lượng cá khai thác 6,3 ngàn tấn (chiếm 57,21%), bằng 98,32% (giảm 113 tấn) so cùng kỳ.

Từ những kết quả sản xuất đạt được như trên, tổng giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 (GOss) của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (KVI) trong 9 tháng đầu năm 2021 ước đạt 35.414 tỷ đồng, bằng 102,36%, tăng 817 tỷ đồng so cùng kỳ. Chia ra: GOss của ngành Nông nghiệp đạt 27.212 tỷ đồng (chiếm 76,84% KVI), bằng 102,24% hay tăng 596 tỷ đồng; GOss của ngành Lâm nghiệp đạt 161 tỷ đồng (chiếm 0,46% KVI), bằng 100,99% (+2 tỷ đồng), chủ yếu tăng sản lượng gỗ, củi khai thác và thu nhật lâm sản; GOss của ngành Thủy sản đạt 8.041 tỷ đồng (chiếm 22,71% KVI), bằng 102,81% (+220 tỷ đồng) so 9 tháng đầu năm 2020, do sản lượng thu hoạch của các loại thủy sản nuôi trồng đều tăng nên giá trị thủy sản nuôi trồng đạt 7.720 tỷ đồng, tăng 2,81% (+211 tỷ đồng) và lĩnh vực khai thác thủy dù tổng sản lượng chung giảm 253 tấn nhưng nhờ tăng sản lượng yếm sào nên sản giá trị đạt 321 tỷ đồng, tăng 9 tỷ đồng so cùng kỳ.

### **3. Sản xuất công nghiệp - xây dựng**

Tình hình dịch bệnh Covid-19 trong tỉnh vẫn còn diễn biến phức tạp, một số địa phương còn phát sinh ca mắc trong cộng đồng, tuy nhiên về cơ bản dịch bệnh vẫn đang được kiểm soát tốt. Vì thế sau thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 07/9/2021 toàn tỉnh chuyển sang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15/CT-TTg, hoạt động sản xuất kinh doanh, giao thương, đi lại có phần thuận lợi hơn, một số doanh nghiệp đã tăng số lượng công nhân, sản xuất có mức tăng trở lại.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9/2021 ước tăng 29,46% so tháng trước và tăng 12,11% so cùng kỳ, cụ thể: Ngành khai khoáng tăng 46,91% so tháng trước và tăng 19,13% so cùng kỳ; ngành chế biến chế tạo tăng 35,91% so tháng trước và tăng 9,99% so cùng kỳ (tăng do số công nhân sản xuất tăng lên, thuận lợi hơn trong vận chuyển hàng hóa từ khâu sản xuất đến nơi tiêu thụ); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 3,56% so tháng trước và tăng 23,79% so cùng kỳ; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải tăng 3,22% so tháng trước và tăng 9,84% so cùng kỳ. Ước 9 tháng, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chỉ tăng 3,16% so với cùng kỳ, trong đó: Ngành khai khoáng tăng 6,20% so cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,52% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 17,86% so cùng kỳ; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải tăng 5,34% so cùng kỳ.

Trong cả quý III, sản xuất công nghiệp gặp nhiều trở ngại, do tình hình dịch diễn biến phức tạp, phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg (từ ngày 15/7/2021- 06/9/2021) một số doanh nghiệp có quy mô lớn đã ngưng sản xuất trong thời gian giãn cách xã hội, các doanh nghiệp có hoạt động thì giảm mật độ công nhân sản xuất hoặc bố trí công nhân ăn ở tại chỗ nên hoạt động sản xuất công nghiệp giảm so cùng kỳ. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp quý III/2021 giảm 9,60% so với quý trước và giảm 3,86% so với quý cùng kỳ, trong đó: Ngành khai khoáng giảm 16,80% so với quý trước và giảm 5,45% so với quý cùng kỳ; ngành chế biến, chế tạo giảm 10,06% so với quý trước và giảm 8,36% so với quý cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 6,51% so với quý trước và tăng 23,41% so với quý cùng kỳ (do sản lượng điện mặt trời); ngành cung cấp nước, xử lý rác thải giảm 2,84% so với quý trước và tăng 7,42% so với quý cùng kỳ.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

+ Sản lượng đá xây dựng khai thác tháng 9/2021 ước đạt 625 ngàn m<sup>3</sup>, tăng 46,91% so tháng trước tăng 19,13% so với tháng cùng kỳ, quý III/2021 ước đạt 1.454 ngàn m<sup>3</sup>, giảm 16,80% so với quý trước và giảm 5,45% so với quý cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng đầu năm tăng 6,20% so với cùng kỳ. Sản lượng đá xây dựng khai thác phục vụ cho các công trình đầu tư công của địa phương và các tỉnh lân cận.

+ Sản phẩm thủy sản giảm nhiều trong tháng 8/2021 do phải nghỉ phòng chống dịch bệnh, song tháng 9/2021 đang trên đà phục hồi, ước tháng 9/2021 đạt 10,9 ngàn tấn thủy sản chế biến, tăng 42,47% so tháng trước, giảm 15,56% so với tháng cùng kỳ, quý III/2021 ước đạt 27,24 ngàn tấn giảm 13,94% so với quý trước và giảm 35,15% với quý cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng ước đạt hơn 92 ngàn tấn, giảm 17,19% so cùng kỳ.



+ Sản phẩm gạo xay xát được sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo địa phương nhằm không để đứt gãy chuỗi sản xuất và khó khăn cho nông dân, nên sản lượng sản xuất chế biến vẫn duy trì khá. Sản lượng gạo xay xát tháng 9/2021 ước đạt 174 ngàn tấn, tăng 0,32% so tháng trước và tăng 23,80% so cùng kỳ, quý III/2021 ước đạt 518 ngàn tấn, tăng 22,66% so với quý trước, tăng 13,39% so với quý cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng đầu năm đạt 1,34 triệu tấn, tăng 2,73% so với cùng kỳ.

+ Ngành hàng may mặc cố gắng duy trì sản xuất “3 tại chỗ”, song cũng gặp nhiều khó khăn do chi phí tăng cao, trong tháng 9/2021 có khởi sắc hơn do tăng về số lượng công nhân, trong đó: Sản phẩm ba lô, ước tháng 9/2021 đạt 4,4 triệu cái tăng 2,71% so với tháng trước, tăng 93,89% so cùng kỳ, quý III/2021 ước đạt 10,9 triệu cái tăng 36,79% so với quý trước, tăng 38,31% so với quý cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng năm đạt 25,5 triệu cái, giảm 57,59% so với cùng kỳ; sản phẩm quần áo sơ mi, ước tháng 9/2021 đạt 3,8 triệu cái, tăng 84,80% so tháng trước, tăng 22,85% so cùng kỳ năm trước, quý III/2021 ước đạt 9,1 triệu cái giảm 12,29% so với quý trước giảm 9,40% so với quý cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng năm đạt 28,1 triệu cái, tăng 6,16% so với cùng kỳ.

+ Sản phẩm giày, dép da, ước tháng 9/2021 đạt 2,4 triệu đôi, tăng 110% so tháng trước, tăng 20,41% so cùng kỳ, quý III/2021 ước đạt 5,6 triệu đôi giảm 35,21% so với quý trước, giảm 1,98% so với quý cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng năm ước đạt 23 triệu đôi, tăng 24,80% so với cùng kỳ.

+ Ngành sản xuất sản phẩm xi măng sản xuất, ước tháng 9/2021 sản xuất đạt 35 ngàn tấn, tăng 62,60% so tháng trước, giảm 4,92% so cùng kỳ, quý III/2021 ước đạt 78,79 ngàn tấn, giảm 19,91% so với quý trước, giảm 29,38% so với quý cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 ước đạt 272,5 ngàn tấn giảm 18,17% so với cùng kỳ. Sản phẩm xi măng bên cạnh khó khăn trong sản xuất “3 tại chỗ”, còn khó khăn vận chuyển tiêu thụ sang Campuchia.

+ Sản xuất điện năng lượng mặt trời không ảnh hưởng bởi tác động của dịch bệnh, bên cạnh các dự án lớn của Tập đoàn Sao Mai, Công ty Văn Giáo, các hộ kinh đã lắp đặt và cung cấp điện qua Công ty Điện lực An Giang bình quân hơn 50 triệu kwh/tháng (tính toàn tỉnh). Ước trong tháng 9/2021 đạt 53 triệu kwh, tương đương tháng trước và tăng 129,58% so cùng kỳ, quý III/2021 ước đạt 155 triệu kwh, tăng 5,15% so với quý trước, tăng 116,76% so với quý cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng đầu năm ước đạt 410 triệu kwh, tăng 80% so với cùng kỳ.

+ Sản phẩm nước sạch là nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt, đời sống và sản xuất nên các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực này luôn sản xuất ổn định, giữ vững tốc độ tăng trưởng. Sản lượng tháng 9/2021 ước đạt 7.508 m<sup>3</sup>, tăng 3,14% so tháng trước, tăng 9,93% so cùng kỳ, quý III/2021 ước đạt 21,8 triệu m<sup>3</sup>, giảm 3,14% so

với quý trước, tăng 7,42% so với quý cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng năm đạt 65 triệu m<sup>3</sup>, tăng 4,14% so với cùng kỳ.

- Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dự tính tháng 9/2021 giảm 0,93% so tháng trước và tăng 6,79% so cùng kỳ, trong đó: Ngành sản xuất thực phẩm giảm 1,22% so tháng trước và giảm 3,12% so cùng kỳ; ngành sản xuất đồ uống tương đương tháng trước và giảm 6,17% so cùng kỳ; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tương đương tháng trước và cùng kỳ; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tương đương tháng trước và giảm 14,18% so cùng kỳ; sản phẩm thuốc lá tương đương tháng trước và giảm 93,51% so với tháng cùng kỳ.

- Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 50,24% so với tháng trước, tăng 24,77% so cùng kỳ; cộng dồn chỉ số tiêu thụ 9 tháng đầu năm 2021 giảm 11,17% cùng kỳ, trong đó: Ngành sản xuất chế biến thực phẩm tăng 43,64% so với tháng trước, tăng 19,47% so cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 giảm 14,2% so với cùng kỳ; ngành sản xuất trang phục tăng 56,80% so với tháng trước, tăng 22,85% so cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 tăng 8,61% so với cùng kỳ.

- Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tăng 133,44% so với tháng trước, giảm 9,05% so cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 giảm 6,43% so cùng kỳ, trong đó: Ngành khai khoáng tương đương tháng trước, tăng 2,33% so với tháng cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 tăng 1,92% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 188,62% so với tháng trước, giảm 10,52% so cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 giảm 7,36% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tương đương tháng trước, giảm 2,49% so cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng năm 2021 giảm 1,9% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải tương đương với tháng trước, tăng 5,20% so cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng năm 2021 tăng 2,91% so với cùng kỳ.

Từ kết quả sản xuất nêu trên, ước giá trị sản xuất công nghiệp 9 tháng năm 2021 đạt 25,2 ngàn tỷ đồng (giá so sánh), tăng 1,90% so với cùng kỳ. Trong đó công nghiệp khai thác 321 tỷ đồng, tăng 7,36%; công nghiệp chế biến đạt 23.958 tỷ đồng, tăng 1,46%; sản xuất và phân phối điện đạt 580 tỷ đồng, tăng 16,55%; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải đạt 374 tỷ đồng, tăng 6,9%. Ước giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) 9 tháng đầu năm đạt 37 ngàn tỷ đồng.

Hoạt động xây dựng trên địa tỉnh trong những tháng đầu năm 2021 diễn ra tích cực, nhiều công trình nhà ở trong dân, cơ quan, trường học, bệnh viện, các công trình cầu đường... hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, đến quý III/2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã diễn biến phức tạp và phát sinh dịch bệnh Covid-19 trong tỉnh, địa phương đã thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị

15/TTg, Chỉ thị 16/TTg của Thủ tướng chính phủ, từ đó các công trình thi công chậm tiến độ và tạm ngưng (tháng 8/2021). Từ ngày 07/9/2021, toàn tỉnh đã thực hiện theo Chỉ thị 15/TTg của Thủ tướng Chính phủ, các công trình được tiếp tục thi công, nhưng giảm về quy mô lao động. Các xã/phường tập trung cho công tác phòng, chống dịch bệnh đã hạn chế việc xây dựng các công trình dân sinh xã hội, các nhà ở tình thương tình nghĩa. Giá trị hoạt động xây dựng quý III/2021 giảm so quý trước và so cùng kỳ.

Giá trị sản xuất ngành xây dựng (theo giá hiện hành) quý III/2021 ước đạt 2.822 tỷ đồng, giảm 17,79% so quý trước, giảm 14,97% so cùng kỳ; cộng dồn 9 tháng đầu năm ước đạt 8.938 tỷ đồng, tăng 0,13% so cùng kỳ. Giá trị sản xuất ngành xây dựng (theo giá so sánh năm 2010) quý III/2021 ước đạt 1.852 tỷ đồng, giảm 14,16% so với quý trước, giảm 18,49% so cùng kỳ; cộng dồn 9 tháng đầu năm đạt 6.062 tỷ đồng, giảm 1,98% so cùng kỳ.

#### **4. Hoạt động doanh nghiệp**

##### **4.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

Tổng số doanh nghiệp thành lập mới đầu năm đến ngày 14/9/2021 là 398 doanh nghiệp, giảm 24,14% so với cùng kỳ năm trước, tổng số vốn đăng ký khoảng 5.767 tỷ đồng, tăng 23,09% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp hoạt động trở lại 181 doanh nghiệp, tăng 39,23% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp giải thể tự nguyện là 71 doanh nghiệp, giảm 7,79% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 235 doanh nghiệp, tăng 14,63% so với cùng kỳ. Số lần đăng ký thay đổi doanh nghiệp là 502 doanh nghiệp, tăng 0,59% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp chuyển đổi loại hình là 37 doanh nghiệp, tăng 5,71% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp thông báo thay đổi là 214 doanh nghiệp, giảm 47,29% so với cùng kỳ.

##### **4.2. Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp**

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý III/2021 cho thấy: 14,93% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh quý III/2021 sẽ tốt hơn quý II/2021; 13,43% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất ổn định; 71,64% cho rằng khó khăn và chỉ số cân bằng là -56,72%. Quý tiếp theo so với quý hiện tại thì 60,00% số doanh nghiệp cho rằng sẽ tốt hơn; 16,92% vẫn ổn định; 23,08% số doanh nghiệp cho rằng sẽ còn khó khăn và chỉ số cân bằng là 36,92%.

Dự báo xu hướng về chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm ngành chế biến chế tạo: Quý III/2021 so với quý trước có 65,67% số doanh nghiệp cho là tăng lên; 29,85% cho là ổn định; 4,48% cho là giảm đi và chỉ số cân bằng 61,19%. Quý IV/2021 so quý hiện tại có 49,23% doanh nghiệp cho là tăng lên; 43,08% cho là ổn định; 7,697% cho là giảm đi và chỉ số cân bằng là 41,54%.

## 5. Hoạt động dịch vụ

### 5.1. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ 5 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh ổn định và có tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, vào cuối tháng 4/2021, lần thứ 4 nước ta ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 lây lan trong cộng đồng, dịch bệnh bùng phát mạnh, nhanh trên diện rộng, khó kiểm soát, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản nhằm phòng, chống dịch bệnh lây lan. Một số ngành dịch vụ như karaoke, massage, quán bar, chợ đêm, hàng ăn uống theo mô hình buffet,... tạm ngưng hoạt động, một số điểm du lịch ở Tịnh Biên, Châu Đốc, Chợ Mới đã tạm thời đóng cửa. Cuối tháng 5/2021 thêm một số hoạt động kinh tế tạm thời ngưng hoạt động như vận tải hành khách đến các vùng có dịch bệnh, các cơ sở dịch vụ phục vụ cá nhân,... Từ ngày 15/7/2021 đến nay, toàn tỉnh thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15, Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ nhằm phòng, chống dịch bệnh lây lan, đã tạm dừng nhiều hoạt động kinh tế, tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn. Một số chợ truyền thống bố trí số lượng tiểu thương giảm quy mô số lượng, chỉ bán các mặt hàng thiết yếu theo quy định. Các mặt hàng không thiết yếu đã tạm dừng kinh doanh trong thời gian giãn cách xã hội, dẫn đến doanh thu hoạt động bán buôn, bán lẻ giảm so với những tháng trước và cùng kỳ.

- Doanh thu hoạt động bán buôn và bán lẻ hàng hóa tháng 9/2021 ước đạt 9.979 tỷ đồng, tăng 6,59% so tháng trước, tăng 1,83% so cùng kỳ. Cộng dồn 9 tháng đầu năm, ước đạt 93.840 tỷ đồng, tăng 5,54% so cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 9/2021 ước đạt 4.523 tỷ đồng, tăng 8,10% so tháng trước, tăng 3,81% so cùng kỳ; cộng dồn 9 tháng đầu năm ước đạt 43.632 tỷ đồng, tăng 7,62% so cùng kỳ. Một số nhóm ngành hàng bán lẻ chủ yếu là các mặt hàng thiết yếu như: Lương thực, thực phẩm tăng 4,75% so tháng trước, tăng 10,49% so cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng tăng 11,75% so cùng kỳ; đồ dùng gia đình tăng 3,14% so tháng trước, tăng 11,94% so cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng tăng 11,54% so cùng kỳ; bán lẻ xăng dầu tăng 3,28% so tháng trước, tăng 7,58% so cùng kỳ, cộng dồn 9 tháng tăng 7,22% so cùng kỳ. Các mặt hàng không thiết yếu như hàng may mặc, vật liệu xây dựng, phương tiện đi lại, đá quý kim loại;... bán chậm hoặc tạm ngưng kinh doanh trong thời gian giãn cách xã hội giảm nên doanh thu giảm mạnh so tháng trước và tháng cùng kỳ.

- Ước doanh thu các ngành dịch vụ tháng 9/2021 đạt 1.604 tỷ đồng, tăng 78,31% so tháng trước, giảm 23,03% so cùng kỳ; cộng dồn 9 tháng đạt 17.333 tỷ đồng, giảm 3,83% so cùng kỳ.

+ Doanh thu ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, và dịch vụ du lịch lữ hành tháng 9/2021 ước đạt 1.043 tỷ đồng, tăng 78,57% so tháng trước, giảm 8,41% so tháng cùng kỳ; cộng dồn 9 tháng ước đạt 10.314 tỷ đồng, tương đương so cùng kỳ.

+ Dịch vụ kinh doanh bất động sản và dịch vụ khác: Thực hiện quy định về việc hạn chế ra đường khi không cần thiết, không tụ tập đông người, tạm dừng các hoạt động, vui chơi giải trí, sửa chữa đồ dùng gia đình, dịch vụ phục vụ cá nhân, gội đầu,... đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ. Ước doanh thu 9 tháng đạt 7.019 tỷ đồng, giảm 9,56% so cùng kỳ.

## **5.2. Vận tải, kho bãi**

Những tháng đầu năm, ngành vận tải trên địa bàn hoạt động khá ổn định, nhưng do đợt bùng phát dịch lần thứ tư với những diễn biến phức tạp ngành vận tải An Giang đã tạm ngưng vận chuyển hành khách từ đầu tháng 6/2021 đến nay. Các ngành chức năng địa phương thực hiện một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong việc vận chuyển hàng hóa qua các chốt kiểm dịch. Sở Giao thông vận tải An Giang đã hướng dẫn đăng tải công khai các công văn, chỉ thị,... liên quan đến ngành Giao thông vận tải trên Cổng thông tin điện tử, trên báo chí để các đơn vị vận tải chủ động sắp xếp phương án hoạt động, đăng ký hoạt động vận tải hàng hóa thiết yếu và gửi yêu cầu trên hệ thống phần mềm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Đồng thời cấp mã QR Code cho phương tiện vận tải trên “luồng xanh” nội tỉnh kết hợp với “luồng xanh quốc gia bằng hình thức trực tuyến.

Ước tổng doanh thu vận tải và kho bãi tháng 9/2021 đạt 354 tỷ đồng, tăng 2,52% so tháng trước và giảm 25,57% so cùng kỳ. Cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 doanh thu vận tải và kho bãi đạt 3.848 tỷ đồng, giảm 2,21% so cùng kỳ.

- Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách tháng 9/2021 đạt 74 tỷ đồng, tăng 1,44% so tháng trước và giảm 57,99% so cùng kỳ. Cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 doanh thu đạt 1.212 tỷ đồng, giảm 14,60% so cùng kỳ, trong đó: Vận tải hành khách đường bộ đạt 982 tỷ đồng, chiếm 81,04% trong tổng doanh thu vận tải hành khách; vận tải hành khách đường sông chủ yếu là vận tải qua phà và các bến đò ngang. Ước sản lượng vận chuyển hành khách tháng 9/2021 đạt 7 triệu lượt hành khách, giảm 53,44% so cùng kỳ; luân chuyển đạt 85 triệu lượt hành khách.km, giảm 62,14% so cùng kỳ. Cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 sản lượng vận chuyển hành khách đạt 114 triệu lượt hành khách, giảm 11,27% so cùng kỳ; luân chuyển đạt 1.410 triệu lượt hành khách.km, giảm 15,73% so cùng kỳ.

- Vận tải hàng hóa: Ước doanh thu vận tải hàng hóa tháng 9/2021 đạt 260 tỷ đồng, tăng 2,60% so tháng trước và giảm 6,30% so cùng kỳ. Cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 doanh thu vận tải hàng hóa đạt 2.448 tỷ đồng, tăng 5,01% so cùng kỳ, trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ đạt 803 tỷ đồng, tăng 5,34% so cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa đường sông đạt 1.645 tỷ đồng, tăng 4,84% so cùng kỳ. Ước sản lượng vận chuyển hàng hóa tháng 9/2021 đạt 4 triệu tấn, giảm 6,17% so cùng kỳ; sản lượng luân chuyển đạt 288 triệu tấn hàng hóa.km, giảm 6,99% so cùng kỳ. Cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 sản lượng vận chuyển

hàng hóa đạt 34 triệu tấn hàng hóa, tăng 5,24% so cùng kỳ; sản lượng luân chuyển đạt 2.713 triệu tấn hàng hóa.km, tăng 5,63% so cùng kỳ.

- Ước doanh thu kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 9/2021 đạt 20 tỷ đồng, tăng 5,45% so tháng trước và giảm 9,37% so cùng kỳ. Cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 doanh thu kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 188 tỷ đồng, tăng 2,01% so cùng kỳ. Ước khối lượng hàng hóa bốc xếp thông qua cảng tháng 9/2021 đạt 209 nghìn TTQ, tăng 4,50% so tháng trước và giảm 9,13% so cùng kỳ. Cộng dồn 9 tháng đầu năm 2021 khối lượng hàng hóa bốc xếp thông qua cảng đạt 1.812 nghìn TTQ, giảm 0,55% so cùng kỳ.

## **II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT**

### **1. Hoạt động ngân hàng, bảo hiểm**

- Hoạt động huy động vốn: Tổng số dư vốn huy động ước thực hiện đến cuối tháng 9/2021 là 57.389 tỷ đồng, so cuối năm 2020 tăng 0,04%; trong đó huy động trên 12 tháng 18.111 tỷ đồng, chiếm 32,55%/tổng số dư vốn huy động. Chia ra:

+ Số dư tiền gửi huy động 56.341 tỷ, chiếm 98,17% tổng vốn huy động. Trong đó: Theo loại tiền tệ: Đồng VN: 55.654 tỷ đồng, chiếm 98,78%, ngoại tệ 687 tỷ đồng chiếm 1,22%; theo cơ cấu tiền gửi: Tiền gửi tiết kiệm là 47.404 tỷ đồng, chiếm 84,14%, tiền gửi thanh toán là 8.937 tỷ đồng, chiếm 15,86%;

+ Phát hành giấy tờ có giá: Đồng VN: 1.048 tỷ, chiếm 1,83% tổng số dư vốn huy động.

- Hoạt động tín dụng: Tổng dư nợ ước thực hiện đến cuối tháng 9/2021 là 87.510 tỷ đồng, so với cuối năm 2020 tăng 8,48%.

+ Phân theo kỳ hạn: Dư nợ ngắn hạn là 64.767 tỷ đồng chiếm 74,01%. Dư nợ trung, dài hạn là 22.743 tỷ đồng chiếm 25,99%;

+ Phân theo nội ngoại tệ: Dư nợ bằng VND là 48.945 tỷ đồng chiếm 97,07%. Dư nợ bằng ngoại tệ là 2.565 ỷ đồng chiếm 2,93%;

+ Nợ xấu 730 tỷ đồng, chiếm 0,83%/tổng dư nợ.

- Hoạt động bảo hiểm thực hiện 6 tháng năm 2021

+ Tổng thu được 1.597 tỷ đồng, giảm 1,74% so cùng kỳ năm trước, gồm: Thu quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH) được 958,8 tỷ đồng, tăng 6,3% so cùng kỳ (chia ra: Quỹ BHXH bắt buộc được 872 tỷ đồng, tăng 5,87%, quỹ BHXH tự nguyện được 24,8 tỷ đồng, tăng 35,86%, quỹ bảo hiểm thất nghiệp được 62 tỷ đồng, tăng 3,23%) và thu quỹ bảo hiểm y tế (BHYT) được 638,3 tỷ đồng, giảm 11,76%.

+ Tổng chi được 1.919,8 tỷ đồng, tăng 16,85% so cùng kỳ năm trước, gồm: Chi các chế độ BHXH là 1.256 tỷ đồng, tăng 25,34% (trong đó chi các chế độ

BHXH từ nguồn quỹ được 1.231,3 tỷ đồng, tăng 26,16%) và chi khám, chữa bệnh BHYT là 663,8 tỷ đồng, tăng 3,58% so cùng kỳ.

## 2. Đầu tư phát triển

Ngay từ đầu quý III/2021, trong tình đã thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch covid-19 theo Chỉ thị số 15, Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ nên phần lớn công trình đầu tư công, cũng như đầu tư sản xuất của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất cá thể hay đầu tư nhà ở của hộ gia đình đều phải tạm dừng thi công. Do vậy, vốn đầu tư phát triển (cả trong và ngoài nhà nước) trong quý III/2021 trên địa bàn tỉnh thấp, giảm so với quý II/2021 và cùng kỳ.

Ước vốn đầu tư thực hiện quý III/2021 đạt 2.585 tỷ đồng, giảm 27,66% so quý trước, giảm 41% so cùng kỳ. Tính chung, 9 tháng đầu năm, tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh ước đạt 9.451 tỷ đồng, giảm 20,13% so cùng kỳ. Trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước (Trung ương và địa phương) quý III/2021 ước đạt 1.238 tỷ đồng, giảm 26,60% so quý trước, giảm 33,8% so cùng kỳ; 9 tháng đầu năm đạt 4.521 tỷ đồng (chiếm 47,83%), giảm 16,5% so cùng kỳ, trong đó: Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý trong 9 tháng đầu năm ước đạt 2.748 tỷ đồng, đạt 54,1% so với kế hoạch năm 2021, giảm 27,24% so cùng kỳ; trong đó chủ yếu thanh toán một số công trình bổ sung, thay đổi thiết kế và cấp vốn cho các công trình trọng điểm thuộc các ngành công nghiệp, giao thông vận tải, giáo dục và các công trình phúc lợi xã hội.

- Vốn khu vực ngoài Nhà nước (bao gồm các doanh nghiệp ngoài nhà nước và hộ dân cư) quý III/2021 ước đạt 1.338 tỷ đồng, giảm 28,53% so quý trước, giảm 45,2% so cùng kỳ; 9 tháng đầu năm 2021 ước đạt 4.885 tỷ đồng (chiếm 51,36%), giảm 22,36% so cùng kỳ.

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 9 tháng đầu năm đạt 45 tỷ đồng (chiếm 0,47%), giảm 64,63% so cùng kỳ.

Một số công trình trọng điểm tập trung vốn đầu tư thực hiện những tháng đầu năm như: Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VNSAT) 64 tỷ đồng; Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh An Giang 33 tỷ đồng; Mở rộng nâng cấp đô thị VN - tiểu DA thành phố Long Xuyên 170 tỷ đồng; Trụ sở làm việc công an tỉnh An Giang 64 tỷ đồng; Khu định cư Tây Đại học mở rộng 97 tỷ đồng; Xử lý khẩn cấp sạt lở QL91 đoạn qua xã Bình Mỹ huyện Châu Phú 45 tỷ đồng.

Ước giá trị giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 trong 9 tháng đầu năm 2021 là 1.790 tỷ đồng, đạt 35,75% kế hoạch vốn đã giao (5.006,73 tỷ đồng), đạt 28,59% tổng vốn kế hoạch (6.260,93 tỷ đồng). So với cùng kỳ năm 2020, tỷ lệ giải ngân thấp hơn 31,63% (năm 2020 là 60,22%). Kết quả giải ngân 9 tháng

đầu năm 2021 như hiện nay là thấp hơn rất nhiều so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu là do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu dẫn đến giá cả nguyên vật liệu tăng ảnh hưởng đến tiến độ dự án; một số dự án đang thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án và gặp khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

### **3. Thu, chi ngân sách**

Công tác thu chi, điều hành, quản lý ngân sách được đảm bảo và kịp thời, thực hiện nghiêm túc chủ trương, hạn chế bổ sung nhiệm vụ chi ngoài dự toán, đảm bảo sử dụng dự phòng ngân sách đúng mục đích, đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu, nhiệm vụ chi theo dự toán đã được bố trí, đảm bảo đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

Ước tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn đến 20/9/2021 đạt 5.826 tỷ đồng, đạt 84,9% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 108,92% so với cùng kỳ, bao gồm: thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 233 tỷ đồng, đạt 126,69% dự toán và bằng 170,23% so với cùng kỳ; thu nội địa 5.593 tỷ đồng, đạt 83,74% dự toán, bằng 107,31% so với cùng kỳ.

Ước tổng chi ngân sách Nhà nước địa phương đến 20/9/2021 ước thực hiện 7.717 tỷ đồng, đạt 50,96% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 78,28% so với cùng kỳ. Trong đó: Chi đầu tư phát triển 1.140 tỷ đồng, đạt 22,87% dự toán và bằng 37,92% so cùng kỳ; chi thường xuyên đạt 6.572 tỷ đồng, đạt 67,91% so dự toán và bằng 95,92% so cùng kỳ.

### **4. Xuất, nhập khẩu hàng hoá**

Ước tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2021 đạt 88,44 triệu USD, tăng 3,40% so với tháng trước và giảm 4,29% so cùng kỳ. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2021 đạt 817,14 triệu USD, tăng 1,53% so cùng kỳ.

#### **4.1. Xuất khẩu hàng hoá**

Kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9 đạt 74,14 triệu USD, tăng 3,03% so tháng trước và giảm 4,75% so cùng kỳ. Tính chung 9 tháng kim ngạch xuất khẩu đạt 689,61 triệu USD, tăng 1,24% so với cùng kỳ. Các mặt hàng chủ yếu:

- Gạo: Ước sản lượng xuất khẩu tháng 9/2021 đạt 45,72 nghìn tấn, tương đương 25,09 triệu USD. Ước tổng kim ngạch xuất khẩu gạo 9 tháng đầu năm 2021 đạt 397,88 nghìn tấn, tương đương 215,44 triệu USD, so với cùng kỳ tăng 1,76% về sản lượng và tăng 1,59% về kim ngạch. Giá gạo xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2021 đạt 541,42 USD/tấn, giảm 0,92 USD/tấn so cùng kỳ.

Về thị trường, ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu qua 38 nước, chiếm tỷ trọng cao nhất là thị trường Châu Á chiếm 79,54% trong tổng lượng xuất



khẩu, kể đến là Châu Phi chiếm 16,16%, tỷ trọng còn lại xuất khẩu qua 7 nước Châu Âu, 4 nước Châu Mỹ và 4 nước Châu Đại Dương.

- Thủy sản đông lạnh: Ước sản lượng xuất khẩu tháng 9/2021 đạt 7,85 nghìn tấn, tương đương 18,99 triệu USD. Ước tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2021 đạt 86,78 nghìn tấn, tương đương 209,93 triệu USD, so với cùng kỳ giảm 3,14% về sản lượng và giảm 2,58% về kim ngạch.

Nhìn chung tình hình xuất khẩu thủy sản trong 9 tháng đầu năm 2021 gặp khó khăn, giảm nhẹ so với cùng kỳ, do tình hình dịch bệnh các nước trên thế giới còn diễn biến phức tạp, chất lượng xuất khẩu vào các nước Châu Âu đòi hỏi ngày càng cao, thị trường Trung Quốc đang ngày càng thắt chặt các quy định về xuất nhập khẩu hàng hóa, tiếp tục thực hiện quản lý và truy xuất nguồn gốc hàng hóa, tăng cường kiểm tra, khử trùng hàng hóa, phương tiện vận chuyển hàng xuất khẩu từ vùng dịch của Việt Nam, vì thế thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu bị kéo dài, chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao.

Về thị trường, ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu qua 74 nước, chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là thị trường Châu Á 53,02% trong tổng lượng xuất khẩu, Châu Mỹ chiếm 25,16%, tỷ trọng còn lại xuất khẩu qua 20 nước Châu Âu, 3 nước Châu Đại Dương và 6 nước Châu Phi.

Giá thủy sản đông lạnh xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2021 đạt 2.419,18 USD/tấn, tăng 14,05 USD/tấn so cùng kỳ.

- Rau quả đông lạnh: Ước sản lượng xuất khẩu tháng 9/2021 đạt 855 tấn, tương đương 1,50 triệu USD. Ước tổng sản lượng xuất khẩu rau quả đông lạnh 9 tháng đầu năm 2021 đạt 7,12 nghìn tấn, tương đương 12,23 triệu USD, so với cùng kỳ tăng 1,74% về sản lượng và tăng 1,94% về kim ngạch.

- Hàng may mặc (quần áo, ba lô,...): Ước xuất khẩu tháng 9/2021 đạt 10,84 triệu USD. Ước tổng kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc 9 tháng đầu năm 2021 đạt 102,55 triệu USD, tăng 4,01%, so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu ba lô, túi xách,.. đạt 26,22 triệu USD, tăng 0,97%; quần áo các loại xuất khẩu đạt 76,33 triệu USD, tăng 5,09% so với cùng kỳ.

- Hàng giày dép: Ước xuất khẩu tháng 9/2021 đạt 3,08 triệu USD. Ước kim ngạch xuất khẩu hàng giày dép 9 tháng đầu năm 2021 đạt 19,92 triệu USD so với cùng kỳ giảm 1,78%.

Ngoài ra vẫn còn một số mặt hàng xuất khẩu khác trong 9 tháng 9/2021 có kim ngạch xuất khẩu khá như: Phân bón các loại: 16,6 triệu USD; sắt thép: 4,9 triệu USD; thuốc lá gói: 10,4 triệu USD; thuốc sâu các loại: 9,96 triệu USD;... và các loại hàng hóa khác kim ngạch xuất khẩu đạt 78,5 triệu USD.

#### **4.2. Nhập khẩu hàng hoá**

Ước nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2021 đạt 14,30 triệu USD tăng 5,38% so tháng trước và giảm 1,6% so cùng kỳ. Ước tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 9 tháng đầu năm 2021 đạt 127,53 triệu USD, so với cùng kỳ tăng 3,17%. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:

- Nguyên vật liệu hàng may mặc trong tháng đạt 6,42 triệu USD. Ước tổng kim ngạch nhập khẩu nguyên vật liệu hàng may mặc 9 tháng đầu năm 2021 đạt 61,74 triệu USD, so với cùng kỳ tăng 3,59%;

- Thuốc trừ sâu và nguyên liệu trong tháng đạt 2,67 triệu USD. Ước tổng kim ngạch nhập khẩu thuốc trừ sâu và nguyên liệu 9 tháng đầu năm 2021 đạt 24,71 triệu USD, so với cùng kỳ tăng 3,09%.

### **5. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9 năm 2021 giảm 6,53% so tháng trước (khu vực thành thị giảm 0,04%; khu vực nông thôn giảm 10,85%); giảm 4,14% so với tháng 12 năm trước; giảm 3,06% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2021 tăng 2,75% so với cùng kỳ. Trong đó:

+ Nhóm hàng hóa và dịch vụ so với tháng trước: đồ uống và thuốc lá tăng 1,07%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,73%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,63%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,12%; giao thông tăng 0,36%; bưu chính viễn thông tăng 0,09%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,07%. Bên cạnh các nhóm hàng tăng giá vẫn có nhóm hàng giảm giá cụ thể như: hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,51%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm 0,01%; giáo dục giảm 55,64%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,05%.

+ So với cùng kỳ năm trước: Nhóm giáo dục giảm cao nhất với 53,73%, thực hiện theo công văn số 110/HĐND-TT về việc thống nhất với Tờ trình số 550/TTr-UBND ngày 8 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chủ trương không thu học phí làm cho chỉ số giá chung so cùng giảm; nhóm giao thông tăng cao nhất 18,65% so với tháng 9/2020, chủ yếu do giá xăng dầu tăng (riêng tháng 9/2021 điều chỉnh giảm) từ đầu năm đến nay cụ thể: giá xăng A95 tăng 6.276 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 5.745 đồng/lít; giá dầu diezen tăng 4.225 đồng/lít và dầu hỏa tăng 5.292 đồng/lít; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,47%.

+ Chỉ số giá vàng tháng 9/2021 giảm 0,02% so với tháng trước; giảm 4,26% so với tháng 12/2020 và giảm 5,15% so với cùng kỳ năm 2020; bình quân 9 tháng đầu năm 2021 tăng 10,05%.

+ Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2021 giảm 0,73% so với tháng trước; giảm 1,39% so với tháng 12/2020 và giảm 1,56% so với cùng kỳ năm 2020; bình quân 9 tháng đầu năm 2021 giảm 0,97%.

### **III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

## **1. Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội**

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 bùng phát trở lại dẫn đến các hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn so với thời điểm đầu năm, hầu hết mọi hoạt động SXKD đều bị ảnh hưởng, người lao động phải giảm, giãn giờ làm hoặc thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương... dẫn đến tiền lương, thu nhập của người lao động giảm.

Ước thu nhập bình quân chung 9 tháng đầu năm 2021 của cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) toàn tỉnh là 7.760 ngàn đồng/người/tháng, xấp xỉ so 6 tháng/2021 và cuối năm 2020 và tăng 1,03% (+76.000 đồng) so cùng kỳ năm 2020; thu nhập của lao động khu vực ngoài Nhà nước và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, mức thu nhập hàng tháng bình quân chung hiện nay là 6,8 - 7,3 triệu đồng/người/tháng, giảm 2,76% so tháng đầu năm 2021; các cơ sở SXKD cá thể ước thu nhập bình quân chung trong 9 tháng đầu năm 2021 dao động từ 3,6 - 4,3 triệu đồng/người/tháng, xấp xỉ so cùng kỳ và giảm 4,08% so 6 tháng/2021; người dân nông thôn sống chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, thủy sản về quy mô sản xuất không bị ảnh hưởng nhưng thời gian thu hoạch vào lúc thực hiện giãn cách xã hội, giao thương bị hạn chế, chi phí tăng cao nên khâu tiêu thụ sản phẩm gặp rất nhiều khó khăn, giá bán nông sản giảm, ảnh hưởng đến đời sống người dân, tuy nhiên những khó khăn trong giãn cách xã hội do dịch Covid-19 của người dân phần nào đã được chính quyền các cấp hỗ trợ kịp thời.

-Về lao động, việc làm:

Tiếp tục theo dõi, nắm bắt, đánh giá tác động của dịch Covid đến người lao động, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tại các địa phương và cập nhật tình hình, nhu cầu lao động nước ngoài. Từ đầu năm đến nay, tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp được 11.059 người trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn 454 người. Tính từ đầu năm đến nay, tỉnh đã giải quyết 10.579 trường hợp có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, với tổng kinh phí chi trả 157.909 triệu đồng.

- Công tác an sinh xã hội:

Trong 9 tháng đầu năm 2021, công tác an sinh xã hội được quan tâm. Đối với thực hiện chính sách đối với người có công. Đã trợ cấp quà Tết và kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ của Chủ tịch nước và Chủ tịch tỉnh đối với hơn 69.000 người có công và thân nhân với số tiền trên 40 tỷ đồng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về tổ chức lễ phát động toàn dân tham gia ủng hộ phòng, chống dịch Covid. Tính đến nay, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã tiếp nhận gần 16,5 tỷ đồng của các tổ chức, cá nhân đóng góp vào quỹ Hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh Covid.

## **2. Giáo dục đào tạo**

Trong 9 tháng đầu năm 2021, ngành đã tổ chức triển khai thực hiện đạt hầu hết các nhiệm vụ công tác đã đề ra trong kế hoạch. Việc chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới 2021-2022 cũng gặp không ít khó khăn, Tỉnh đã tổ chức khai giảng bằng hình thức truyền hình trực tiếp qua sóng của Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang, Tỉnh đã chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện tổ chức khai giảng năm học mới 2021-2022 trong tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp hơn... Hầu hết các nhiệm vụ đều được triển khai đảm bảo đạt hiệu quả cao.

Đồng thời, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn để chuẩn bị năm học 2021-2022 đối với các cơ sở giáo dục nhằm ứng phó với tình hình dịch bệnh, tiến hành tu sửa, chỉnh trang cơ sở vật chất trường lớp, mua sắm bổ sung sách và các trang thiết bị dạy học, tập huấn trực tuyến cho giáo viên chương trình giáo dục phổ thông mới.

### **3. Tình hình dịch bệnh**

- Phòng chống dịch Covid -19 (tính đến 16 giờ, ngày 19/9/2021): ghi nhận 3.698 ca mắc trên địa bàn tỉnh (trong đó: 3.614 trường hợp phát hiện cộng đồng, 84 trường hợp cách ly tập trung ngay sau khi nhập cảnh); 10 trường hợp tái dương tính. Cách ly tập trung hiện còn quản lý: 4.204 trường hợp (số cộng dồn là 24.662 trường hợp). Cách ly tại nhà, nơi lưu trú hiện còn quản lý: 3.835 trường hợp (số cộng dồn là 43.169 trường hợp). Tất cả các trường hợp cách ly trên sức khỏe đều bình thường. Công tác xét nghiệm: số mẫu được xét nghiệm tính đến 19/8/2021 là 122.477 mẫu, trong đó: 3.708 mẫu kết quả dương tính với SARS-CoV-2.

Công tác triển khai tiêm ngừa vắc xin phòng chống Covid -19: Số liệu vắc xin nhận được: 441.874 liều, tổng số liều đã tiêm 358.569 liều, trong đó: Tiêm mũi 1 là 277.167 liều, tiêm mũi 2 là 81.102 liều. Tỷ lệ người dân được tiêm mũi 1 chiếm 21,21% dân số, tỷ lệ người dân được tiêm mũi 2 chiếm 5,91% dân số.

- Bệnh Sốt xuất huyết: Trong kỳ báo cáo đã ghi nhận 198 trường hợp mắc Sốt xuất huyết, không tử vong; đã phát hiện và xử lý 76 ổ dịch Sốt xuất huyết trên địa bàn toàn tỉnh. Cộng dồn từ đầu năm 2021 đến nay số mắc Sốt xuất huyết là 1.782 ca, không có tử vong; đã phát hiện và xử lý tổng cộng 582 ổ dịch Sốt xuất huyết trên địa bàn toàn tỉnh (địa phương có nhiều ổ dịch nhất là huyện Chợ Mới với 143 ổ dịch, Châu Thành 68 ổ dịch, Phú Tân 67 ổ dịch, Tri Tôn 65 ổ dịch, ...). So với lũy tích cùng kỳ năm 2020 số mắc tăng 1,2%, không có tử vong

- Bệnh Tay-Chân-Miệng (TCM): Trong kỳ báo cáo đã ghi nhận 9 trường hợp mắc, không tử vong; không có ổ dịch Tay Chân Miệng trên địa bàn toàn tỉnh. Cộng dồn từ đầu năm 2021 đến nay số mắc TCM là 1.573 ca, tử vong 01 ca; từ đầu năm đến nay đã phát hiện và xử lý tổng cộng 206 ổ dịch TCM tại 81/156 xã, phường. So với cùng kỳ 2020 số mắc tăng 192,9%, số tử vong tăng 01 ca.

- Các bệnh: Thương hàn và phó thương hàn từ đầu năm đến nay có 15 ca mắc, không tử vong; Viêm não virus có 07 ca mắc, không tử vong; Sởi và sốt phát ban nghi Sởi trong kỳ ghi nhận 01 trường hợp, từ đầu năm đến nay số mắc là 31 ca, không tử vong.

-Tình hình HIV/AIDS tính từ 01/01/2021 đến ngày 31/08/2021 phát hiện 195 người bị nhiễm mới HIV, số chuyển sang AIDS 18 ca và số tử vong 20 ca. Riêng trong tháng 8/2021 rà soát phát hiện 00/16 bệnh nhân nhiễm HIV mới và đưa vào quản lý, số bệnh nhân nhiễm HIV còn lại được phát hiện ở các tháng trước của năm 2021 nay đưa vào quản lý. So với cùng kỳ 08 tháng của năm 2020, số phát hiện HIV ít hơn 80 ca (giảm 29,09%), số bệnh nhân AIDS ít hơn 46 ca (giảm 71,88%), số tử vong ít hơn 57 ca (giảm 74,03%). Ngành y tế tiếp tục duy trì tốt các hoạt động phòng chống HIV/AIDS.

#### **4. Hoạt động văn hóa và thể dục thể thao**

Trong 9 tháng đầu năm 2021 đã triển khai công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị và tổ chức tốt các hoạt động văn hóa - nghệ thuật mừng Xuân Tân Sửu năm 2021, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, các sự kiện trọng đại của tỉnh và đất nước, lễ hội truyền thống tại địa phương như kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, các sự kiện trọng đại của tỉnh và đất nước, lễ hội truyền thống tại địa phương. Bảo tàng tỉnh đón tiếp 8.418 lượt khách tham quan; khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng đón tiếp 26.236 lượt khách (3.054 lượt khách đoàn, 23.151 lượt khách vắng lai, 51 lượt khách quốc tế). Từ ngày 10/7/2021, Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh và Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng tạm ngừng mở cửa phục vụ khách tham quan nhằm triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch.

Đối với thể thao thành tích cao: Tỉnh đang tập trung đào tạo, huấn luyện 487 vận động viên tại 17 môn thể thao (146 vận động viên đội tuyển, 125 vận động viên đội trẻ, 216 vận động viên năng khiếu). Kết quả nổi bật: các đội tuyển thể thao thành tích cao đã tham gia thi đấu tại các giải thể thao trong hệ thống thi đấu quốc gia, kết quả đạt được 57 huy chương các loại (19 HCV – 15 HCB – 23 HCD).

#### **5. Tai nạn giao thông**

Tình hình tai nạn giao thông 9 tháng 2021 trên địa bàn xảy ra 30 vụ (cùng kỳ là 63 vụ), số người chết 29 người (cùng kỳ là 66 người), số người bị thương 7 (cùng kỳ 15 người), trong đó: tai nạn đường bộ là 29 vụ, số người chết 28, số người bị thương 6 người; tai nạn đường sông 01 vụ, 01 người chết và 01 người bị thương. Số vụ tai nạn xuất hiện ở 11 huyện, thị xã, thành phố.

#### **6. Thiệt hại do thiên tai**

Trong 9 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh xảy ra chủ yếu do ảnh hưởng của mưa lớn, giông lốc, sạt lở, sụt lún, rãnh nứt đất bờ sông, kênh, rạch, xảy ra ở

36 điểm với chiều dài 1.872 m (An Phú là 07 điểm; Chợ Mới 11 điểm, Tri Tôn 04 điểm, Châu Phú 08 điểm, Long Xuyên 04 điểm, Tân Châu: 02 điểm). Ước thiệt hại về đất khoảng 1.972 triệu đồng.

Ước thiệt hại về người: 06 người bị ảnh hưởng do sét đánh, 04 người chết, 02 người bị thương.

Ước thiệt hại nhà cửa: 261 căn nhà, ước hại thiệt hại khoảng 3.112 triệu đồng Ngoài ra, mưa giông còn làm sập, tốc mái trại ruộng, nhà kho, nhà lưới; đổ ngã trụ điện

### **7. Bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ**

Các ngành chuyên môn đã tổ chức triển khai 127 cuộc kiểm tra về tài nguyên và môi trường với tổng số 439 tổ chức, cá nhân được kiểm tra. Nội dung kiểm tra tập trung vào hoạt động khai thác khoáng sản, quản lý, sử dụng đất, bảo vệ môi trường. Qua kiểm tra, đã phát hiện, xử lý vi phạm hành chính đối với 39 trường hợp vi phạm trong các lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản với số tiền hơn 1.630 triệu đồng.

Trong tỉnh, 9 tháng đầu năm đã có 7 vụ cháy nhà dân, xảy ra ở các huyện thị xã, thành phố: Long Xuyên, Châu Đốc, An Phú, Phú Tân và Chợ Mới, không có thiệt hại về người, ước giá trị thiệt hại về tài sản là 9.709 triệu đồng./.

#### **Nơi nhận:**

- VP. Tỉnh ủy;
- VP. HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh;
- Đảng ủy khối CQ và DN tỉnh;
- Công an tỉnh (P.ANK);
- Các Sở: NN và PTNT; KH và ĐT;  
Công thương; VH-TT và DL;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT; TKTH.

**CỤC TRƯỞNG**

**Huỳnh Quang Minh**